BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 2 ⋈ Ш ⋈

BÁO CÁO CUỐI KỲ MÔN PHÁT TRIỂN CÁC HỆ THỐNG THÔNG MINH ĐỀ TÀI: WEBSITE BÁN LAPTOP



SINH VIÊN THỰC HIỆN	MÃ SỐ SINH VI	ÊN LÓP
PHU DỰ THẮNG	N20DCCN146	D20CQCNPM02-N
TRƯƠNG THÁI HOÀNG	N20DCCN019	D20CQCNPM01-N
ĐOÀN TRUNG KIÊN	N20DCCN027	D20CQCNPM01-N
NGUYỄN ĐÌNH PHÁT	N20DCCN053	D20CQCNPM01-N
GIẢNG VIÊN HƯỚN	NGUYỄN NGỌC DUY	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

A. THIÊT KÊ	1
1. TÌM HIỂU BÀI TOÁN THỰC TẾ	1
2. GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ	3
3. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
a. Xác định thực thể	6
b. Mô hình thực thể kết hợp	6
c. Mô hình dữ liệu quan hệ	7
d. Từ điển dữ liệu	
4. GIAO DIỆN	14
a. Phía khách hàng	14
b. Phía nhân viên	20
5. PHẦN THÔNG MINH	22
a. Chatbot	22
b. Phân loại danh mục	24
B. CHỨC NĂNG	25
1. PHẦN NHẬP LIỆU	25
a. Phía khách hàng	25
b. Phía nhân viên	27
2. GIẢI THUẬT THÔNG MINH	30
3. CÁC CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG	31
a. Phía khách hàng	31
b. Phía nhân viên	31
C. THÔNG MINH	31
1. KHẢ NĂNG MANG LẠI TRẢI NGHIỆM THÔNG MINH	31
2. KHẢ NĂNG CẢI THIỆN TRÍ THÔNG MINH	32
3. KHẢ NĂNG THỂ HIỆN SỰ THÔNG MINH	32

A. THIẾT KẾ

1. TÌM HIỂU BÀI TOÁN THỰC TẾ

Website bán laptop trực tuyến được tổ chức như sau:

Về sản phẩm:

- Website có nhiều mẫu laptop được gọi là model. Thông tin về model bao gồm: một mã model để phân biệt các model với nhau do hãng sản xuất đặt ra, và các thông số kỹ thuật khác (OS, RAM, CPU, Disk, Battery, VGA, Screen Size, Resolution, Weight, ...).
- Một hãng sản xuất sản xuất nhiều model, mỗi model chỉ thuộc một hãng sản xuất. Thông tin về hãng sản xuất bao gồm: mã hãng và tên hãng.
- Mỗi model có nhiều sản phẩm laptop, mỗi sản phẩm chỉ thuộc về một model và được phân biệt với nhau bằng số Serial.
- Mỗi model thuộc một danh mục, một danh mục có nhiều model. Thông tin về danh mục bao gồm: mã danh mục và tên danh mục. Danh mục được tạo ra để hỗ trợ cho việc phân loại các model và giúp khách hàng trong việc tìm kiếm sản phẩm với các mục đích cụ thể (Văn phòng, Mỏng nhẹ, Gaming, Đồ họa Kỹ thuật).

Về hệ thống:

- Website được quản lý bởi các nhân viên, mỗi nhân viên được cấp một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống quản lý. Thông tin về tài khoản bao gồm: tên tài khoản, mật khẩu, email và các thuộc tính phụ khác. Thông tin về nhân viên bao gồm: mã nhân viên, họ, tên, giới tính, ngày sinh, số điện thoại, địa chỉ và lương.
- Nhân viên được phân quyền để truy cập và thực hiện công việc của mình trong hệ thống. Quyền sẽ được cấp bởi quản trị viên hệ thống admin, được phân thành 2 nhóm đối tượng gồm:
 - Nhân viên kiểm duyệt: chịu trách nhiệm đặt hàng, nhập hàng, thanh lý sản phẩm cũ, kiểm duyệt đơn đặt hàng của khách hàng để giao cho nhân viên vận chuyển và việc hoàn trả sản phẩm của khách hàng.
 - Nhân viên vận chuyển: chịu trách nhiệm cập nhật trạng thái của đơn hàng mà mình được phân công vận chuyển để khách hàng có thể theo dõi.

<u>Về nhập xuất:</u>

– Để có thể nhập hàng về kho thì ta phải thực hiện đặt hàng từ nhà cung cấp, mỗi lần đặt hàng thì lập phiếu đặt hàng. Mỗi phiếu đặt hàng chỉ gửi cho một nhà cung cấp và mỗi nhà cung cấp có thể nhận nhiều phiếu đặt hàng. Thông tin về nhà cung cấp bao gồm: mã nhà cung cấp, tên nhà cung cấp, địa chỉ, *email* và số điện thoại. Thông tin

- về phiếu đặt hàng bao gồm: mã phiếu và ngày đặt hàng. Một phiếu đặt hàng có thể đặt nhiều *model* và mỗi *model* có thể được đặt hàng nhiều lần.
- Khi nhà cung cấp giao hàng, ta thực hiện nhập hàng vào kho thông qua phiếu nhập hàng. Thông tin về phiếu nhập hàng bao gồm: mã phiếu và ngày nhập hàng.
- Mỗi phiếu nhập chỉ thuộc một phiếu đặt và ngược lại. Nếu nhà cung cấp giao không đủ số lượng trong phiếu đặt hàng thì có thể nhập hàng thiếu so với số lượng đã đặt, các sản phẩm thiếu thì xem như bỏ qua. Nếu muốn tiếp tục nhập phần còn thiếu thì phải lập phiếu đặt hàng mới.
- Website có thể thanh lý sản phẩm với phiếu thanh lý. Mỗi phiếu thanh lý chỉ thanh lý cho một sản phẩm và một sản phẩm chỉ thuộc một phiếu thanh lý. Thông tin về phiếu thanh lý bao gồm: mã phiếu, ngày thanh lý và phải ghi rõ lý do thanh lý.
- Tất cả các phiếu trên khi lập ra đều phải ghi nhận nhân viên thực hiện.

<u>Về khách hàng:</u>

- Khách hàng khi mua *laptop* phải dùng tài khoản để đặng nhập vào hệ thống, nếu chưa có tài khoản có thể thực hiện đăng ký tài khoản với thông tin yều cầu là *email*.
 Thông tin về khách hàng bao gồm: mã khách hàng, họ, tên, giới tính và ngày sinh.
- Để thuận tiện trong việc nhập địa chỉ đặt hàng thì khách hàng có thể thực hiện lưu địa chỉ giao hàng vào hệ thống. Mỗi khách hàng có thể có nhiều địa chỉ giao hàng và một địa chỉ giao hàng chỉ thuộc một khách hàng. Thông tin về địa chỉ giao hàng bao gồm: mã địa chỉ, họ tên, số điện thoại và địa chỉ người nhận.
- Khi dự định mua một sản phẩm, khách hàng có thể thêm sản phẩm đó vào giỏ hàng. Giỏ hàng được tạo ra để khách hàng có thể thực hiện mua nhiều sản phẩm trên một đơn hàng với số lượng tùy ý trên từng sản phẩm.
- Mỗi khách hàng có thể đặt nhiều đơn hàng, mỗi đơn hàng chỉ thuộc một khách hàng. Mỗi đơn hàng có một trạng thái để khách hàng có thể theo dõi trên hệ thống. Thông tin về trạng thái bao gồm: mã trạng thái và tên trạng thái. Thông tin về đơn hàng bao gồm: mã đơn hàng, ngày đặt hàng và địa chỉ giao hàng.
- Mỗi đơn hàng phải ghi nhận thông tin nhân viên đã kiểm duyệt và nhân viên được phân công giao hàng. Khách hàng có thể hủy đơn hàng trong trường hợp đơn hàng chưa được vận chuyển.

Khách hàng có thể trả hàng theo chính sách của hệ thống và có thể trả nhiều lần trên một đơn hàng và mỗi lần có thể trả nhiều sản phẩm. Nhân viên thực hiện lập phiếu trả để ghi nhận và ghi rõ lý do trả hàng. Thông tin về phiếu trả bao gồm: mã phiếu, ngày lập phiếu và lý do. Tương tự, phiếu trả phải ghi nhận nhân viên thực hiện.

2. GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ

- Python

Python là một ngôn ngữ lập trình bậc cao được sử dụng cho các mục đích lập trình đa chức năng, được *Guido van Rossum* phát triển và lần đầu ra mắt vào năm 1991 tại Hà Lan. *Python* có nguồn gốc từ nhiều ngôn ngữ khác, bao gồm *ABC*, *Modula-3*, *C*, *C*++, *Algol-68*, *SmallTalk*, *Unix shell* và các ngôn ngữ *script* khác. *Python* được thiết kế với ưu điểm mạnh là dễ đọc, dễ học, dễ nhớ, có hình thức rất sáng sủa, cấu trúc rõ ràng, thuận tiện cho việc phát triển và bảo trì.

- Django

Django là một Web Framework bậc cao miễn phí, là mã nguồn mở được phát triển bởi Django Software Foundation được viết hoàn toàn bằng Python với mục đích thúc đẩy sự phát triển ứng dụng website một cách nhanh chóng và dễ dàng dựa trên mô hình MVT. Django được xây dựng bởi đội ngũ kỹ sư dày dặn kinh nghiệm, giúp lập trình viên xử lý nhiều vấn đề khó khăn trong việc phát triển ứng dụng website và có thể tập trung vào việc viết ứng dụng mà không cần xây dựng lại hệ thống từ đầu.

- Tailwind CSS

Tailwind CSS là một framework CSS mã nguồn mở, hiện đại và tiện ích, được phát triển bởi Adam Wathan và phát hành lần đầu tiên vào năm 2019. Tailwind CSS giúp xây dựng giao diện người dùng nhanh chóng và hiệu quả thông qua các lớp CSS đã được tích hợp sẵn và tối ưu. Bằng cách sử dụng các lớp này, lập trình viên có thể nhanh chóng tao ra thiết kế tùy chỉnh một dễ dàng theo phong cách của riêng mình.

- SQLite

SQLite là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ có cấu trúc *file*, được *Richard Hipp* tạo ra vào năm 2000. *SQLite* được viết bằng ngôn ngữ lập trình *C* với các đặc điểm là nhỏ gọn, hoàn chỉnh và đặc biệt là không cần *client-server database engine*. *SQLite* cung cấp *API* cho nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau và có thể được cài đặt bên trong các trình ứng dụng khác.

HTML (Hyper Text Markup Language)

HTML là ngôn ngữ đánh dấu được sử dụng với mục đích mô tả các tài liệu website, được tạo ra vào năm 1989 bởi Tim Beners-Lee. HTML dùng để định dạng bố cục, các thuộc tính liên quan đến cách hiển thị của một đoạn văn bản được hiển thị trên một chương trình đặc biệt gọi là Browser.

CSS (Cascading Style Sheets)

CSS là ngôn ngữ định dạng được sử dụng với mục đích mô tả giao diện và định dạng các tài liệu viết bằng HTML, được phát triển bởi W3C vào năm 1996. CSS được sử dụng để quy định các kiểu trang trí cho website, bao gồm từ thiết kế, bố cục, đến các cách hiển thị khác nhau trên các thiết bị khác nhau.

JavaScript

JavaScript là ngôn ngữ kịch bản được sử dụng trong phát triển các ứng dụng website, được tạo ra bởi Brendan Eich vào năm 1995. Javascript được tích hợp và nhúng trong HTML giúp cho website trở nên sống động hơn và cho phép kiểm soát các hành vi của website tốt hơn so với việc chỉ sử dụng mỗi HTML.

- Numpy

Numpy là một thư viện mã nguồn mở chuyên về tính toán khoa học và toán học, được tạo bởi *Travis Olliphant* vào năm 2005. Numpy nổi bật với việc cung cấp một cấu trúc dữ liệu mảng đa chiều dễ sử dụng, cho phép người dùng thực hiện tính toán số học và ma trận hiệu quả. Thư viện này hỗ trợ nhiều phép toán và tích hợp tốt với các thư viện khác trong hệ sinh thái khoa học dữ liệu của *Python*.

- Pandas

Pandas là một thư viện mã nguồn mở được xây dựng trên nền tảng thư viện NumPy của Python, được phát triển bởi Wes McKinney trong năm 2008 với mục đích giúp cho việc phân tích và xử lý dữ liệu trở nên dễ dàng hơn. Thư viện này cung cấp các cấu trúc dữ liệu và các phép toán để thao tác với dữ liệu số và chuỗi thời gian và cho phép người dùng làm việc với các cấu trúc dữ liệu có nhãn hoặc có quan hệ tương quan với nhau một cách dễ dàng và trực quan.

Scikit-Learn

Scikit-learn là một thư viện mã nguồn mở dành cho học máy - một ngành trong trí tuệ nhân tạo, rất mạnh mẽ và thông dụng với cộng đồng *Python*. Scikit-learn được xây dựng hoàn toàn bằng *Python* và sử dụng một số thư viện phổ biến nhất mà *Python* cung cấp, cụ thể là *NumPy* và *SciPy*. Scikit-learn chứa hầu hết các thuật toán học máy hiện đại nhất, đi kèm với nguồn tài liệu phong phù, luôn được cập nhật.

- Joblib

Joblib là một thư viện Python, dùng để lưu trữ các đối tượng Python dưới dạng các tệp nhị phân. Thư viện này cung cấp các công cụ để nén và giải nén dữ liệu, giúp tiết kiệm bộ nhớ và tăng tốc độ xử lý. Đặc biệt hữu ích khi làm việc với Machine

Learning vì tương tác rất tốt với các mảng numpy. Joblib cho phép lưu và tải các mô hình học máy, đóng gói dữ liêu và tích hợp tốt với các thư viên khác.

TFLearn

TFLearn là một thư viện mã nguồn mở tích hợp với TensorFlow, được tạo bởi Xavier Muller và phát hành vào năm 2016. TFLearn nổi bật với việc cung cấp một API dễ sử dụng giúp người dùng xây dựng và đào tạo mạng neural nhanh chóng. TFLearn cũng hỗ trợ nhiều kiến trúc mạng và tác vụ khác nhau, đồng thời nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ cộng đồng và có nguồn tài liệu phong phú.

- SpaCy

SpaCy là một thư viện mã nguồn mở dành cho xử lý ngôn ngữ tự nhiên nâng cao, được phát triển bởi Explosion AI và phát hành lần đầu vào năm 2015. SpaCy nổi bật với khả năng xử lý và phân tích ngôn ngữ tự nhiên hiệu quả, cung cấp API dễ sử dụng cho việc thực hiện nhiều nhiệm vụ NLP, như tách từ, phân tích cú pháp và nhận dạng thực thể, đồng thời nhận được hỗ trợ và phát triển mạnh mẽ bởi cộng đồng và có nguồn tài liệu đa dạng.

Googletrans

Googletrans là một thư viện Python sử dụng dịch vụ dịch API của Google Translate Ajax, được tạo ra để kết nối và sử dụng dịch vụ dịch của Google. Googletrans cho phép thực hiện các tác vụ liên quan đến dịch thuật một cách dễ dàng, như dịch văn bản từ một ngôn ngữ sang ngôn ngữ khác và được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng liên quan đến xử lý ngôn ngữ tự nhiên và dịch thuật trong Python.

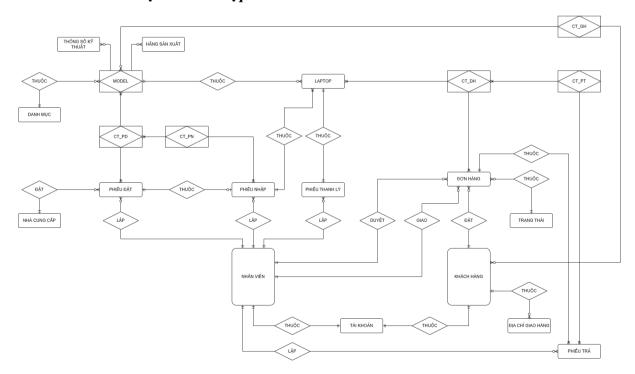
- NLTK (Natural Language Toolkit)

NLTK là một thư viện mã nguồn mở cho NLP, được tạo ra và phát triển bởi một nhóm nghiên cứu về xử lý ngôn ngữ tự nhiên tại Đại học Pennsylvania và được phát hành lần đầu vào năm 2001. NTLK nổi bật với việc cung cấp hàng loạt các công cụ và tài liệu phong phú giúp xử lý, phân tích và tìm hiểu văn bản tự nhiên. NLTK hỗ trợ các nhiệm vụ NLP như tách từ, phân tích cú pháp, phân loại văn bản, và nhiều công việc khác.

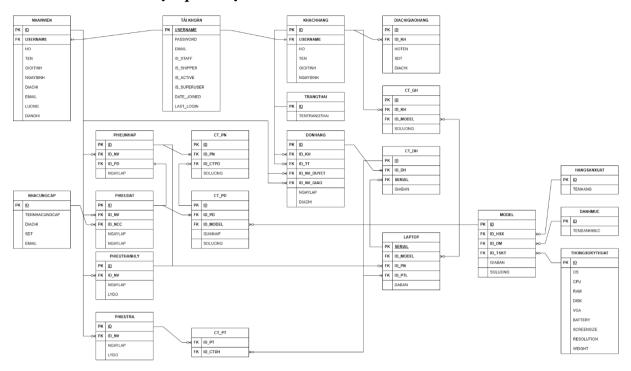
3. CƠ SỞ DỮ LIỆU

- a. Xác định thực thể
- HANGSANXUAT (<u>ID</u>, TENHANG)
- THONGSOKYTHUAT (<u>ID</u>, OS, CPU, RAM, DISK, BATTERY, SCREENSIZE, RESOLUTION, VGA, WEIGHT)
- DANHMUC (<u>ID</u>, TENDANHMUC)
- LAPTOP (SERIAL, DABAN)
- TAIKHOAN (<u>USERNAME</u>, PASSWORD, EMAIL, IS_STAFF, IS_SHIPPER,
 IS ACTIVE, IS SUPERUSER, DATE JOINED, LAST LOGIN)
- NHANVIEN (<u>ID</u>, HO, TEN, GIOITINH, NGAYSINH, DIACHI, SDT, LUONG, DANGHI)
- KHACHHANG (ID, HO, TEN, GIOITINH, NGAYSINH)
- DIACHIGIAOHANG (ID, HOTEN, SDT, DIACHI)
- TRANGTHAI (ID, TENTRANGTHAI)
- DONHANG (ID, NGAYLAP, DIACHI)
- NHACUNGCAP (<u>ID</u>, TENNHACUNGCAP, DIACHI, EMAIL, SDT)
- PHIEUDAT (ID, NGAYLAP)
- PHIEUNHAP (<u>ID</u>, NGAYLAP)
- PHIEUTHANHLY (<u>ID</u>, NGAYLAP, LYDO)
- PHIEUTRA (ID, NGAYLAP, LYDO)

b. Mô hình thực thể kết hợp



c. Mô hình dữ liệu quan hệ



d. Từ điển dữ liệu

- TAIKHOAN (User)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
USERNAME	VARCHAR	50	PK	
PASSWORD	VARCHAR	100	NOT NULL	
EMAIL	NVARCHAR	100	UQ	
IS_STAFF	BIT		NOT NULL	Là nhân viên
IS_SHIPPER	BIT		NOT NULL	Là nhân viên giao hàng
IS_ACTIVE	BIT		NOT NULL	Trạng thái hoạt động
IS_SUPERUSER	BIT		NOT NULL	Là admin hệ thống
DATE_JOINED	DATETIME		NOT NULL	Ngày tạo
LAST_LOGIN	DATETIME		NOT NULL	Lần đăng nhập cuối

- NHANVIEN (Employee)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
НО	NVARCHAR	50		

TEN	NVARCHAR	25		
GIOITINH	BIT			
NGAYSINH	DATE			
DIACHI	TEXT			
SDT	VARCHAR	25		Số điện thoại
LUONG	FLOAT		> 0	Luong
DANGHI	BIT		DEFAULT: 0	Đã nghỉ việc
USERNAME	VARCHAR	50	FK	
			NOT NULL	

- KHACHHANG (Customer)

THUỘC TÍNH	KIỆU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
НО	NVARCHAR	50		
TEN	NVARCHAR	25		
GIOITINH	BIT			
NGAYSINH	DATE			
USERNAME	VARCHAR	50	FK	
			NOT NULL	

- DIACHIGIAOHANG (DeliveryAddress)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
HOTEN	NVARCHAR	100	NOT NULL	
DIACHI	TEXT		NOT NULL	
SDT	VARCHAR	25	NOT NULL	Số điện thoại
ID_KH	INT		FK	
			NOT NULL	

- HANGSANXUAT (Manufacturer)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
TENHANG	NVARCHAR	100	UQ	

- THONGSOKYTHUAT (Specification)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
OS	NVARCHAR	200		Hệ điều hành
RAM	NVARCHAR	200		Bộ nhớ RAM
CPU	NVARCHAR	200		Bộ xử lý
DISK	NVARCHAR	200		Ô đĩa
BATTERY	FLOAT			PIN
VGA	NVARCHAR	200		Card đồ họa
SCREENSIZE	FLOAT			Kích thước màn hình
RESOLUTION	NVARCHAR	50		Độ phân giải màn hình
WEIGHT	FLOAT			Trọng lượng

- DANHMUC (Category)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
TENDANHMUC	VARCHAR	100	UQ	

- MODEL (LaptopModel)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
HINHANH	NVARCHAR	200	NOT NULL	Ảnh minh họa
SOLUONG	INT		≥ 0	Số lượng tồn
GIABAN	FLOAT		> 0	Giá bán ra
ID_DM	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_TSKT	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_HSX	INT		FK	
			NOT NULL	

- LAPTOP (Laptop)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
SERIAL	INT		PK	Số Serial
DABAN	BIT		DEFAULT: 0	Đã được bán
ID_MODEL	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_PTL	INT		FK	
ID_PN	INT		FK	
			NOT NULL	

- TRANGTHAI (State)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
TENTRANGTHAI	NVARCHAR	100	UQ	

- DONHANG (Order)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
NGAYLAP	DATETIME		DEFAULT: GETDATE	
ID_KH	INT		FK	
DIACHI	TEXT		NOT NULL	Địa chỉ giao hàng
ID_TT	INT		FK NOT NULL	
ID_NVDUYET	INT		FK	Nhân viên duyệt đơn
ID_NVGIAO	INT		FK	Nhân viên giao đơn

- CT_DH (OrderDetails)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
GIABAN	FLOAT		> 0	Giá bán ra tại thời điểm mua

ID_DH	INT		FK	
			NOT NULL	
SERIAL	VARCHAR	25	FK	
			NOT NULL	

- CT_GH (CartDetails)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
ID_MODEL	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_KH	INT		FK	
			NOT NULL	
SOLUONG	INT		NOT NULL	

- NHACUNGCAP (Supplier)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
TENNHACUNGCAP	NVARCHAR	100	UQ	
DIACHI	TEXT			
EMAIL	VARCHAR	100		
SDT	VARCHAR	25		

- PHIEUDAT (ReservationForm)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
NGAYLAP	DATETIME		DEFAULT: GETDATE	
ID_NCC	INT		FK NOT NULL	
ID_NV	INT		FK NOT NULL	

- CT_PD (ReservationDetails)

THUỘC TÍNH	KIỂU ĐỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
SOLUONG	INT		> 0	Số lượng đặt
GIANHAP	FLOAT		> 0	Giá nhập vào
ID_PD	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_MODEL	INT		FK	
			NOT NULL	

- PHIEUNHAP (ImportationForm)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
NGAYLAP	DATETIME		DEFAULT: GETDATE	
ID_PD	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_NV	INT		FK	
			NOT NULL	

- CT_PN (ImportationDetails)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
SOLUONG	INT		> 0	Số lượng nhập
ID_PN	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_CTPD	INT		FK	
			NOT NULL	

- PHIEUTHANHLY (LiquidationForm)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
NGAYLAP	DATETIME		DEFAULT: GETDATE	
LYDO	TEXT		NOT NULL	
ID_NV	INT		FK NOT NULL	

- PHIEUTRA (ReturnForm)

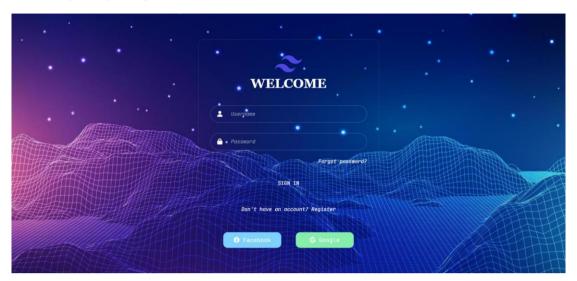
THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
NGAYLAP	DATETIME		DEFAULT: GETDATE	
LYDO	TEXT		NOT NULL	
ID_DH	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_NV	ATUO		FK	
			NOT NULL	

- CT_PT (ReturnDetails)

THUỘC TÍNH	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI	RÀNG BUỘC	MÔ TẢ
ID	INT		PK	
ID_PT	INT		FK	
			NOT NULL	
ID_CTDH	INT		FK	
			NOT NULL	

4. GIAO DIỆN

- a. Phía khách hàng
- Trang đăng nhập



Trang đăng ký



– Trang quên mật khẩu – khôi phục mật khẩu

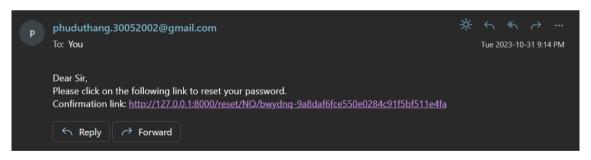




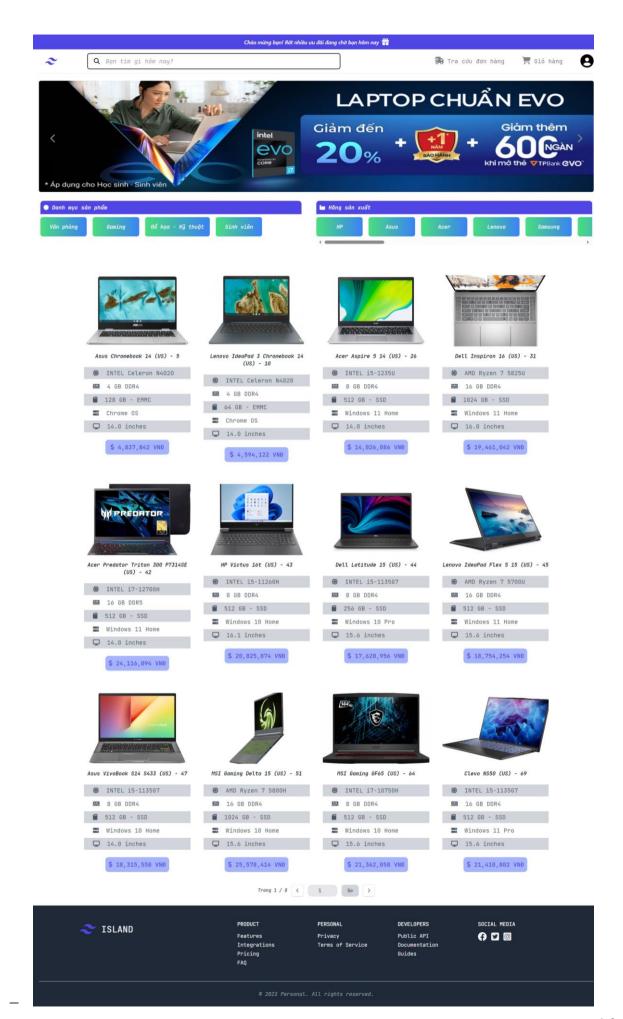
Email xác thực đăng ký



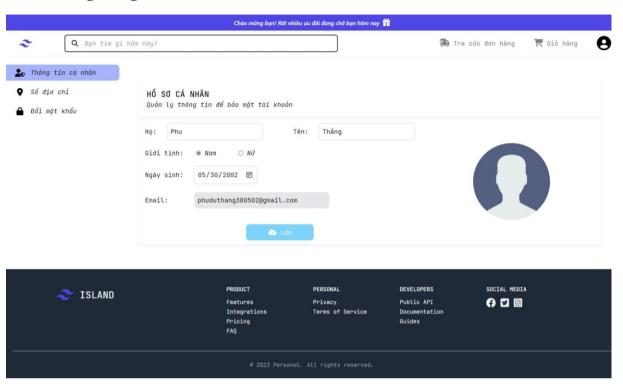
– Email khôi phục mật khẩu



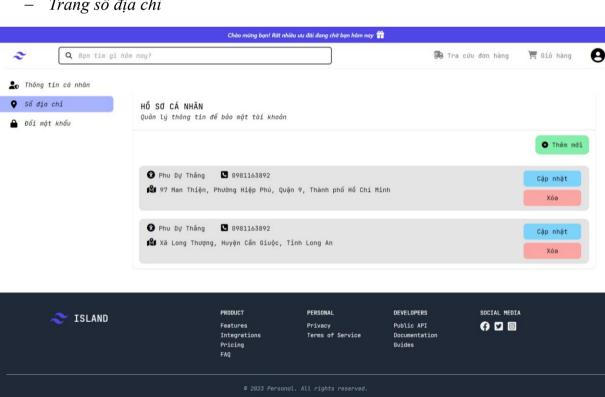
- Trang chủ



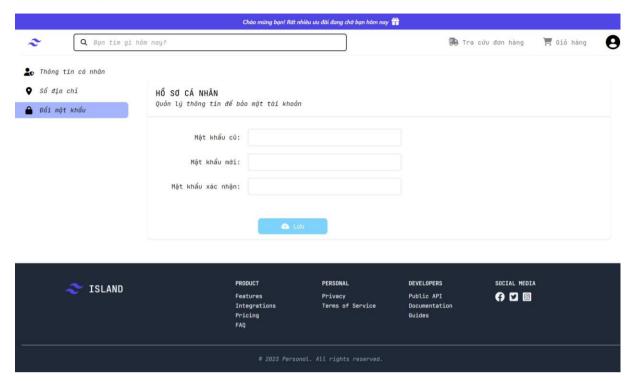
Trang thông tin tài khoản



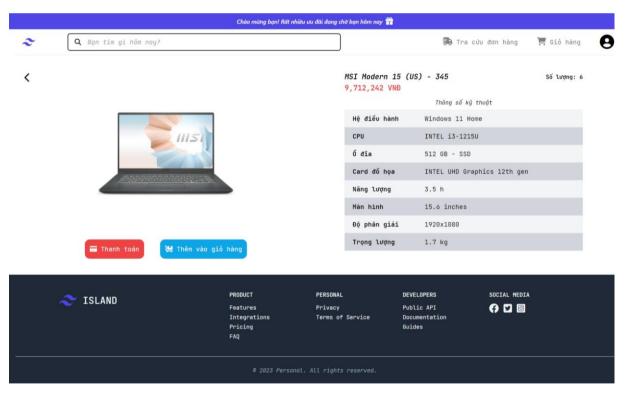
Trang sổ địa chỉ



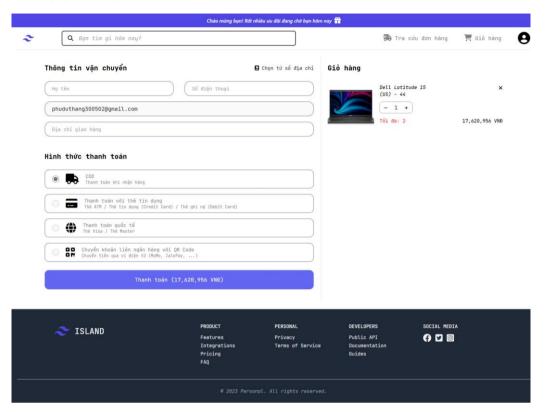
– Trang đổi mật khẩu



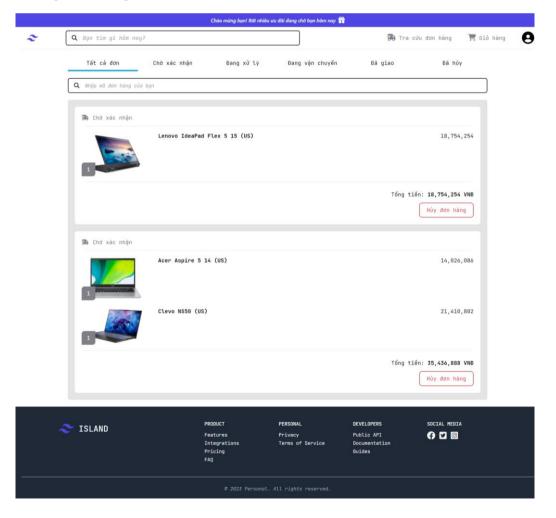
– Trang chi tiết sản phẩm



Trang giổ hàng



- Trang đơn hàng



- Trang lỗi kết quả xác thực



b. Phía nhân viên

– Trang đăng nhập



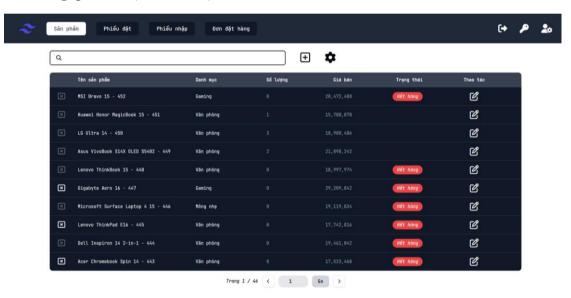
– Trang đổi mật khẩu



– Trang quản trị (Admin)



– Trang quản trị (Nhân viên)

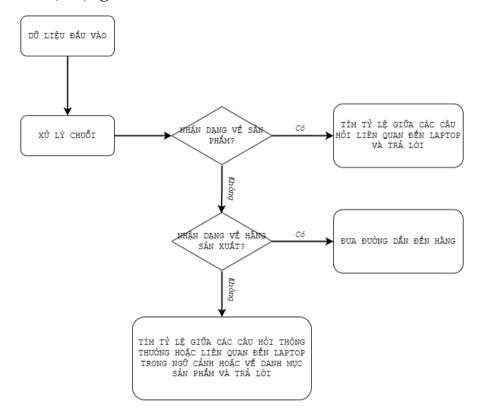


5. PHẦN THÔNG MINH

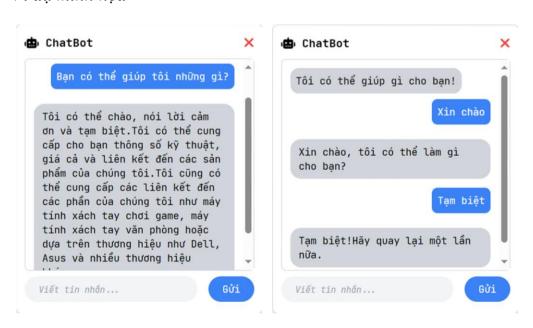
a. Chatbot

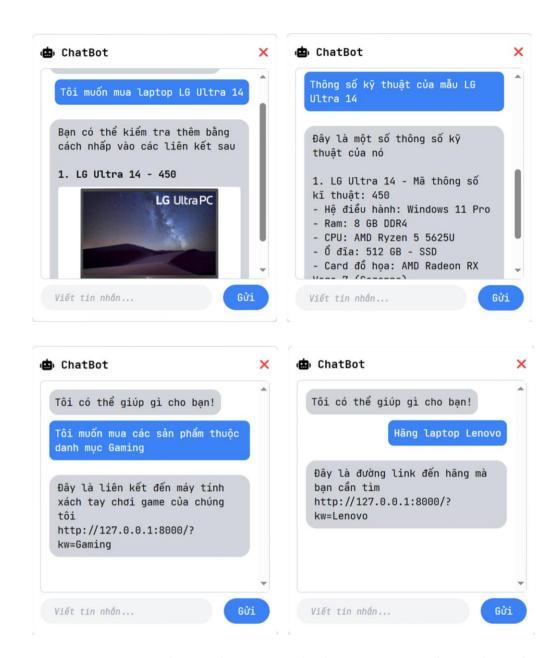
Hệ thống trả lời tin nhắn tự động thông qua NLP.

Sơ đồ hoạt động

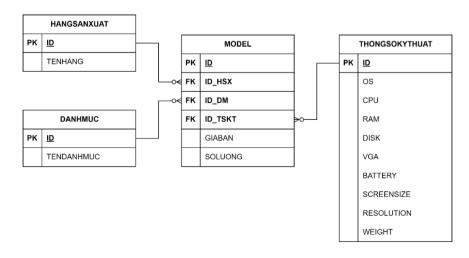


- Ví dụ minh họa



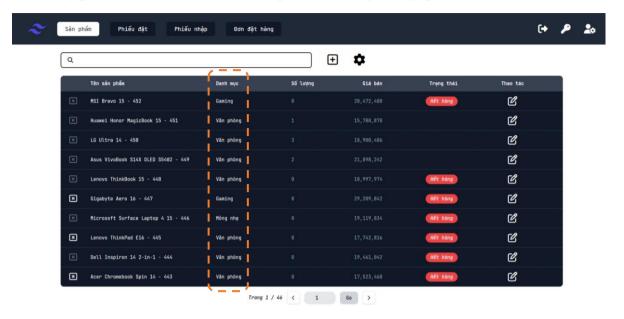


Tương tác với ứng dụng: Chức năng Chatbot tương tác với ứng dụng thông qua việc truy xuất vào các bảng hãng sản xuất, danh mục, model và thông số kỹ thuật trong cơ sở dữ liệu để lấy các thông tin cần thiết cho câu trả lời.

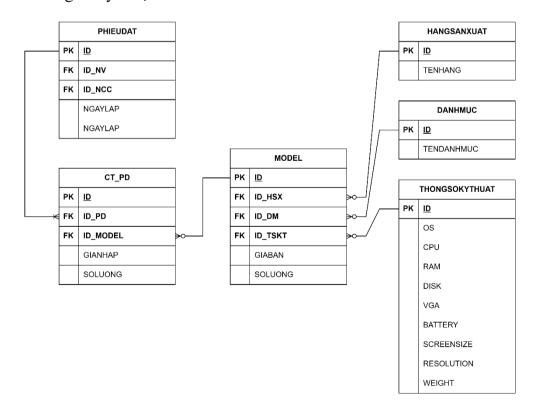


b. Phân loại danh mục

Hệ thống phân loại danh mục cho sản phẩm tự động thông qua mô hình ML.

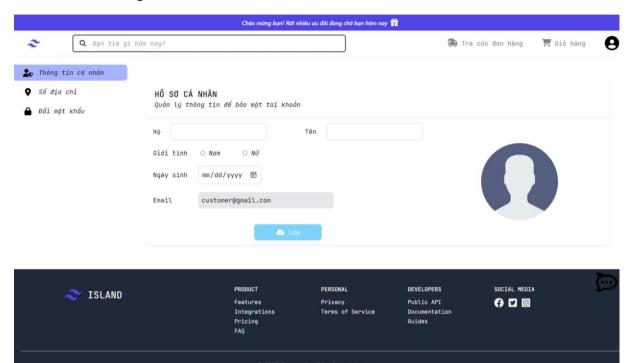


Tương tác với ứng dụng: Chức năng phân loại danh mục tương tác với ứng dụng thông qua các bảng phiếu đặt, chi tiết phiếu đặt, model, hãng sản xuất, danh mục và thông số kỹ thuật trong cơ sở dữ liệu. Để thực hiện dự đoán danh mục cho model mới, chức năng này được thực thi tự động khi nhân viên nhập một model mới vào hệ thống dựa vào số liệu truy xuất từ các bảng hãng sản xuất, danh mục và thông số kỹ thuật.

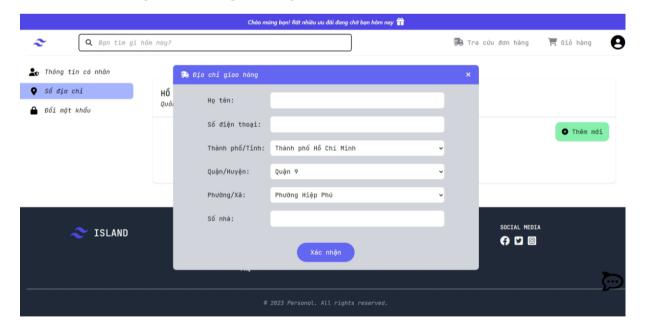


B. CHỨC NĂNG

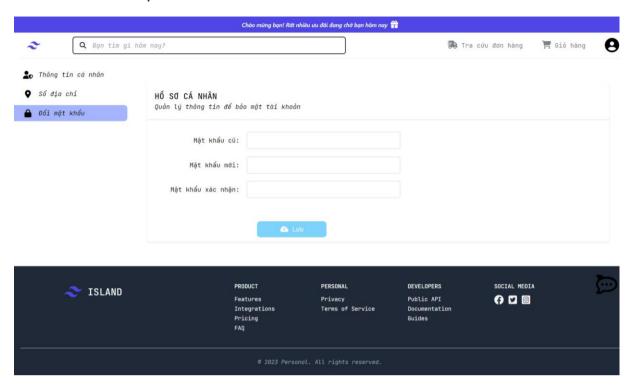
- 1. PHẦN NHẬP LIỆU
 - a. Phía khách hàng
 - Form thông tin cá nhân



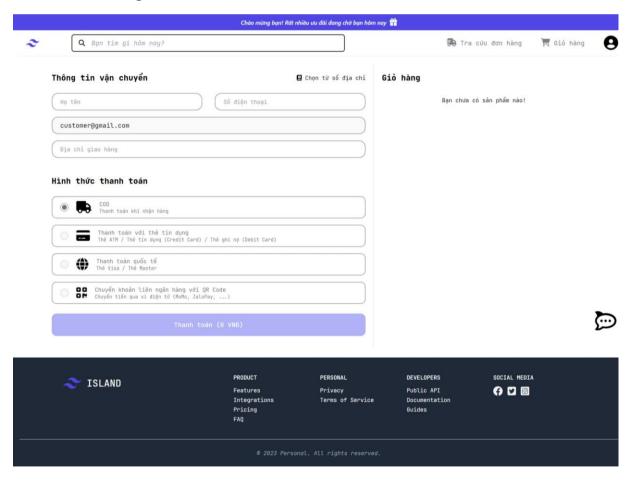
- Form thông tin địa chỉ giao hàng



Form đổi mật khẩu



- Form thông tin thanh toán

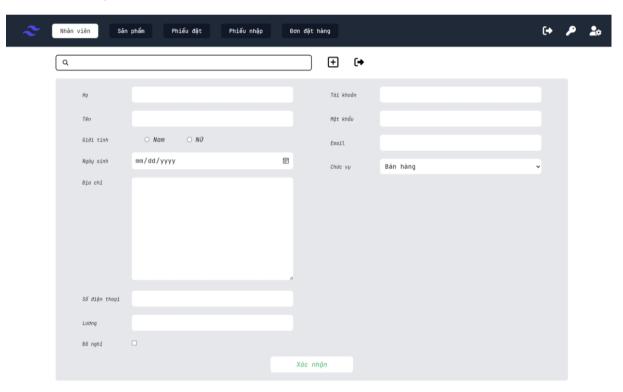


b. Phía nhân viên

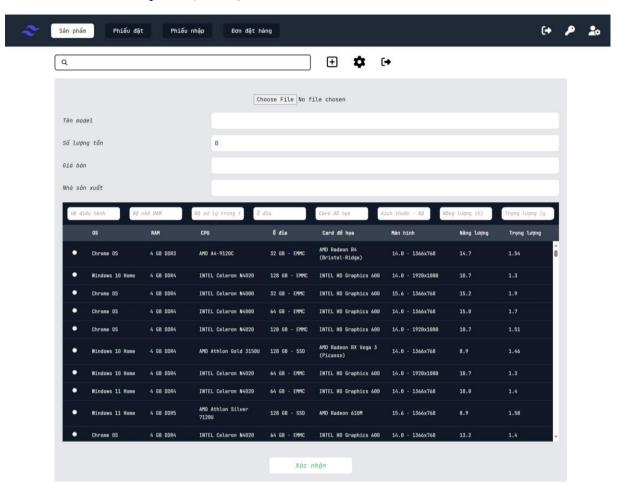
Form đổi mật khẩu



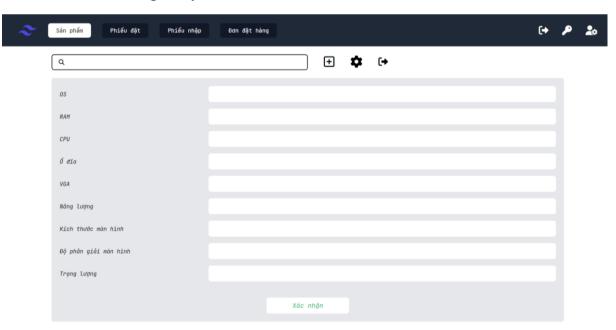
- Form tạo nhân viên



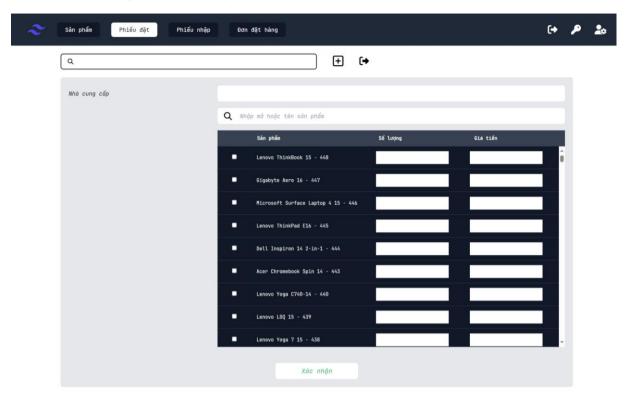
- Form tạo sản phẩm (model)



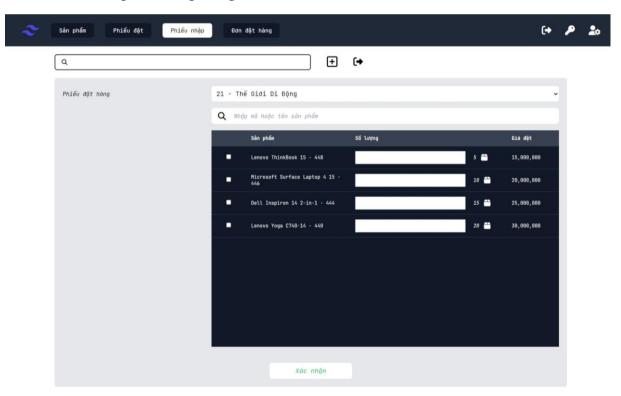
Form tạo thông số kỹ thuật



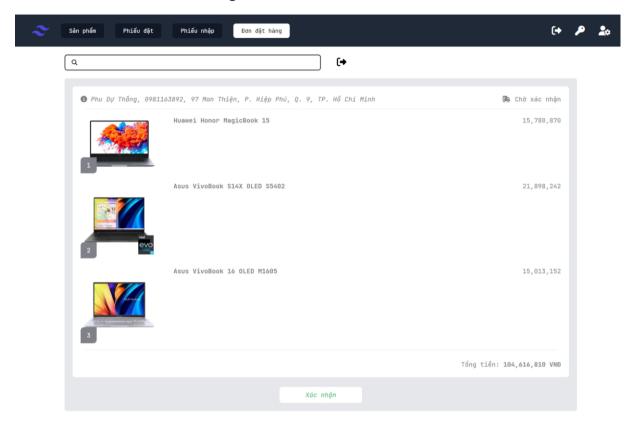
- Form tạo phiếu đặt hàng



- Form tạo phiếu nhập hàng



- Form xác nhận đơn hàng



Form xác nhận nhân viên giao hàng



2. GIẢI THUẬT THÔNG MINH

a. Chatbot

Úng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên với sự hỗ trợ của các thư viện là *Spacy* và *NLTK*. Thông qua thuật toán kinh điển thu thập từ khóa trong câu hỏi của khách hàng để tạo ra câu trả lời phù hợp.

b. Phân loại danh mục

Úng dụng mô hình học máy *Support Vector Classifier* với sự hỗ trợ của thư viện *Scikit-Learn*. Thông qua huấn luyện để học các đặc trưng của nhiều loại *model* thuộc các danh mục khác nhau và thực hiện phân loại danh mục trên các *model* mới.

3. CÁC CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG

a. Phía khách hàng

- Đăng nhập.
- Đăng ký.
- Khôi phục mật khẩu.
- Thông tin cá nhân.
- Thông tin địa chỉ.
- Đổi mật khẩu.
- Thông tin sản phẩm.
- Đặt hàng.
- Thông tin đơn hàng.

b. Phía nhân viên

- Đăng nhập.
- Đổi mật khẩu.
- Quản lý nhân viên.
- Quản lý sản phẩm.
- Quản lý phiếu đặt.
- Quản lý phiếu nhập.
- Quản lý đơn đặt hàng.

C. THÔNG MINH

1. KHẢ NĂNG MANG LẠI TRẢI NGHIỆM THÔNG MINH

- a. Chatbot
 - Tự động trả lời câu hỏi cho khách hàng.
 - Trình bày các thông tin liên quan và các đường dẫn trực tiếp đến sản phẩm.
- b. Phân loại danh mục
 - Tự động phân loại danh mục cho sản phẩm.

2. KHẢ NĂNG CẢI THIỆN TRÍ THÔNG MINH

Cả hai hệ thống *ChatBot* và phân loại đều dùng dữ liệu về sản phẩm trong cơ sở dữ liệu để huấn luyện. Do đó, khi thực hiện phân loại các sản phẩm mới thì những dữ liệu đó sẽ được dùng để huấn luyện cho cả hai hệ thống này để cải thiện trí thông minh trong tương lai.

Hệ thông Chatbot cho phép lưu trữ dữ liệu của các câu trả lời vào file để huấn luyện cải thiện trong tương lai.

- Câu trả lời có độ chính xác thấp hơn 70% sẽ được lưu vào misunderstand.
- Câu trả lời được khách hàng đánh giá *like* sẽ được lưu vào *understand*.
- Câu trả lời được khách hàng đánh giá dislike sẽ được lưu vào misunderstand.

3. KHẢ NĂNG THỂ HIỆN SỰ THÔNG MINH

- Chatbot: Khả năng thấu hiểu ngữ cảnh cuộc trò chuyện.
- Ví du minh hoa

